

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25 /2020/HS-ST
Ngày 12-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý Đức Phụng**.

2. Bà **Trần Thị Hoài**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Lý Hồng Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/TLST - HS, ngày 01 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020 đối với:

Bị cáo: **NGUYỄN VĂN TH** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 05 tháng 11 năm 1984 tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn Nà Khả, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trọng T, năm: 1943; Con bà: Lý Thị S- Sinh năm: 1949; Vợ: Lý Thị H, sinh năm 1986; Con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2010;

Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 34/2020/HSST - QĐ, ngày 01-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

Bị hại:Chị **Đường Thị T**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn Nà Khả, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh **Nông Văn S**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Bản Ngàn, xã Kim Linh, huyện V, tỉnh H; Hôm nay vắng mặt.

Người làm chứng: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Nà Khả, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H. Hôm nay có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 0 phút ngày 26-02-2020 Nguyễn Văn Th đi bộ đến nhà Đường Thị T (là chị dâu), sinh năm 1978, trú tại thôn Nà Khả, xã Linh Hồ, huyện V Th hỏi mượn xe mô tô để đi ra thị trấn Vị X, nhưng chị T không cho mượn nên Th đi về nhà. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày Th lại đi bộ sang nhà chị T, khi đến nơi thấy chị T không có nhà, Th thấy 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1 - 378.86, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - đen dựng ở sân, chìa khóa vẫn cắm ở ổ xe, lúc này Th nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 23B1 - 378.86, Th nổ máy điều khiển xe mô tô đi. Sau khi trộm cắp được xe mô tô BKS 23B1 - 378.86 Th đi đến nhà Nguyễn Văn K, trú tại thôn Nà Khả, xã Linh H để lấy mũ bảo hiểm (mũ Th để nhà K từ trước). Sau đó Th điều khiển xe mô tô ra thị trấn Vị X chơi. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày Th điều khiển xe mô tô BKS 23B1 - 378.86 đến nhà Nông Văn S, trú tại thôn Bản Ngàn, xã Kim L, huyện V, tỉnh H hỏi vay S số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và để lại chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được cho S để làm tin. Sau khi vay được tiền Th đã đi chơi và chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày: 17-3-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1 - 378.86 có giá trị là 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). (BL số 120).

Về phần dân sự: Bị hại Đường Thị T đã nhận lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23B1 - 378.86 nên không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn S cũng không yêu cầu bị cáo Th phải hoàn trả số tiền đã vay của S là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Vật chứng thu giữ gồm:

Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã thu 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1 - 378.86, màu sơn đỏ - đen và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đường Thị T. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là tài sản của Đường Thị T nên ngày 19-5-2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 57).

Tại cáo trạng số: 27/CT-VKS ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với: Bị cáo Nguyễn Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Th khai nhận vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26-02-2020 tại thôn Nà Khả, xã Linh H, huyện V, tỉnh H. Nguyễn Văn Th đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 23B1 - 378.86, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - đen của chị Đường Thị T có giá trị là 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo Th nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại Đường Thị T trình bày vào ngày 26-02-2020 đã bị mất xe mô tô BKS 23B1 - 378.86, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - đen để tại địa điểm thôn Nà Khả, xã Linh H, huyện V, tỉnh H. Chị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo Th.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của Nông Văn S cũng không yêu cầu bị cáo Th phải hoàn trả số tiền đã vay của Sơn là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo khai nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị với HĐXX Tên bố:

Về tội danh: Tên bố xử bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP/TATC ngày 15-5-2018 hướng dẫn áp dụng điều 65 BLHS về án treo.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 12-6-2020.

Giao bị cáo Th về UBND xã Linh H, huyện V, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về phần dân sự: Sau khi nhận lại tài sản 01 xe mô tô BKS 23B1 - 378.86, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Nông Văn S cũng không yêu cầu bị cáo Th phải hoàn trả số tiền đã vay của S là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Do vậy không xem xét.

Về vật chứng:

01 xe mô tô BKS 23B1 - 378.86, màu sơn đỏ - đen và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đường Thị T. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là tài sản của Đường Thị T nên ngày 19-5-2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 57). Bị hại không có yêu cầu bổ sung do vậy không xem xét.

Về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bị cáo Th có ý kiến nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

Quyền của bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Th nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo Th xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn Th thực hiện hành vi phạm tội như sau: Nguyễn Văn Th khai nhận vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26-02-2020 tại thôn Nà Khả, xã Linh H, huyện V, tỉnh H. Nguyễn Văn Th đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 23B1 - 378.86, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - đen của Đường Thị T có giá trị là 15.400.000đ (*Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*), với mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Lời nhận tội của bị cáo trước phiên tòa phù hợp với bản cáo trạng đã công bố, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp biên bản định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Văn Th là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Th lợi dụng chủ sở hữu không có nhà, đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 01 chiếc xe mô tô BKS 23B1 - 378.86 có giá trị tài sản là 15.400.000đ của bị hại để bán có tiền tiêu sài, với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Th không có tình tiết tăng nặng.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Th chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn, bị hại xin giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:

Xét thấy bị cáo Th thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị hại T, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương là nguy hiểm cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án phù hợp trong khung hình phạt quy định, để cho bị cáo Th có thời gian cải tạo, rèn luyện tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung loại tội phạm này theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Bị cáo Th có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điều 51 BLHS, bị cáo Th có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS và theo Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTPTATC ngày 15-5-2018 hướng dẫn áp dụng điều 65 BLHS về án treo.

Bị cáo Th thuộc hộ nghèo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung, hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về phần dân sự: Sau khi nhận lại tài sản 01 xe mô tô BKS 23B1 - 378.86, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Nông Văn S cũng không yêu cầu bị cáo Th phải hoàn trả số tiền đã vay của S là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng:

Cơ quan CSĐT Công an huyện V thu giữ 01 xe mô tô BKS 23B1 - 378.86, màu sơn đỏ - đen và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đường Thị T. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là tài sản của Đường Thị T nên ngày 19-5-2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 57). Chị T không có yêu cầu bổ sung, do vậy không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Th có đơn xin miễn giảm án phí và thuộc diện hộ nghèo. Nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với Nông Văn S, sinh năm 1992, trú tại thôn Bản Ngàn, xã Kim L, huyện V, tỉnh H là người đã cho Th vay số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) và nhận chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23B1 - 378.86 do Th để lại làm tin. Lúc này Sơn không biết chiếc xe mô tô là do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 95 đến 98).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Tên bố xử bị cáo Nguyễn Văn Thập phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th12 (mười hai) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tên án, ngày 12-6-2020.

Giao bị cáo Th về UBND xã Linh H, huyện V, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Không

Về vật chứng: Không

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” .

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Th.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tên án (ngày 12-6-2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh H;
- Công an huyện V;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Anh Luyện